

Thứ tư, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/8/2019		•	
Tuần 12/8-16/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Từ đầu phiên sáng, nhờ lựa mua gia tăng ở các mã cổ phiếu bluechips như VHM, VRE, BVH, chỉ số bật tăng lên sát ngưỡng 976 điểm. Đến phiên chiều, trước sự suy yếu của các mã trụ cột thị trường, đà tăng bị thu hẹp và VN-Index kết phiên ở mốc 968.91 điểm. Thị trường có phiên hồi phục theo xu hướng chung trong khu vực trước thông tin chính quyền Mỹ quyết định hoãn áp thuế 10% với một số mặt hàng thuộc danh sách 300 tỷ USD hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc về ngày 15/12. Tuy nhiên, thanh khoản ở mức thấp cũng cho thấy nhà đầu tư vẫn đang duy trì tâm lý thận trọng trước những diễn biến vĩ mô khó lường trên thế giới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn, và ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880-885 điểm cho các hợp đồng trung hạn và dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi tất cả các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho thấy xu hướng hồi phục trong ngắn hạn của cổ phiếu cơ sở HPG. Tuy nhiên, HPG đang tiếp cận ngưỡng kháng cự 24. Trong khi đó, FPT đang vận động quanh ngưỡng trên của kênh xu hướng tăng, và có thể điều chỉnh kỹ thuật trong ngắn hạn. Chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là HPG và FPT có thể gặp áp lực giảm trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Xây dựng & VLXD_+1.1%. Danh mục Xây dựng & VLXD hôm nay có hiệu suất ấn tượng +1.1% so với mức tăng nhẹ 0.2% của VN-Index. Ngược lại, danh mục Dầu khí giảm mạnh -1.2% trước biến động khó lường của giá dầu.

Phân tích kỹ thuật: VPI_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.08 điểm**, đóng cửa 968.91. HNX-Index **-0.31 điểm**, đóng cửa 101.98.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.51); VIC (+0.49); VNM (+0.36); BVH (+0.25); TCB (+0.21).**
- Kéo chỉ số giảm: **PLX (-0.27); VJC (-0.14); VRE (-0.13); CTG (-0.11); PNJ (-0.08).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,685.08 tỷ đồng**, **-18.5%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.08 điểm. Thị trường có 169 mã tăng và 138 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **222.77 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VJC (78.44 tỷ), STB (23.74 tỷ) và VPI (22.34 tỷ).** Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **10.23 tỷ đồng.**

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX **968.91**Giá trị: 2685.08 tỷ **2.08 (0.22%)**

Khối ngoại (ròng): -222.77 tỷ

HNX-INDEX **101.98**Giá trị: 336.24 tỷ **-0.31 (-0.3%)**

Khối ngoại (ròng): -10.23 tỷ

UPCOM-INDEX **57.14**Giá trị: 489.08 tỷ **-0.01 (-0.02%)**

Khối ngoại(ròng): 18.2 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.4	-1.26%
Giá vàng	1,500	-0.09%
Tỷ giá USD/VND	23,208	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,941	-0.24%
Tỷ giá JPY/VND	21,804	-0.56%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	3.90%
LS TPCP 5 năm	3.6%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	10.7	VJC	78.2
MSN	6.1	STB	23.7
CTG	5.5	VPI	22.3
BVH	4.1	HPG	18.1
GEX	3.6	VIC	15.3

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Vận động ngành	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
i-INVEST	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng & VLXD_+1.1%

Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
Xây dựng & Vật liệu XD	1.1%	2.0%	-2.7%	-4.3%	-1.8%	-4.2%
Xây dựng	0.6%	2.0%	-5.4%	-6.7%	-8.8%	-12.1%
Hàng tiêu dùng	0.4%	1.5%	4.8%	5.4%	8.4%	12.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	3.4%	0.6%	2.4%	1.3%	0.7%
Ngân hàng	0.3%	1.4%	0.6%	2.7%	2.3%	-4.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	3.5%	4.2%	7.1%	6.8%	5.2%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	0.2%	-0.6%	-3.7%	-0.1%	0.0%
BĐS & Khu công nghiệp	0.1%	2.0%	0.3%	1.0%	2.8%	2.1%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	3.1%	-0.8%	0.1%	5.7%	11.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	1.5%	-4.8%	-7.0%	-2.5%	-5.7%
Nước & Năng lượng	-0.4%	1.4%	-5.7%	-3.8%	0.4%	11.6%
Chiến tranh thương mại	-0.5%	-0.2%	-4.1%	-0.5%	0.7%	14.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.7%	0.0%	-4.5%	-1.7%	4.8%	19.4%
Dầu khí	-1.2%	1.2%	-5.0%	-6.2%	5.0%	-0.6%

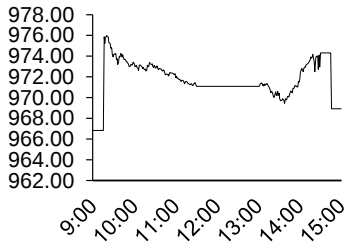
VNINDEX	0.2%	0.3%	-0.4%	-0.7%	1.9%	-1.0%
VN30INDEX	0.3%	1.4%	0.6%	-1.4%	-2.2%	-8.3%

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

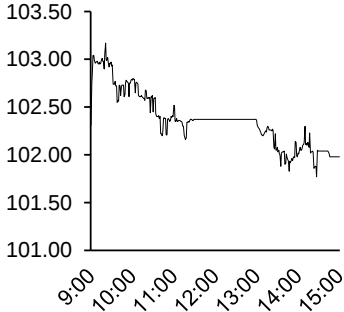
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

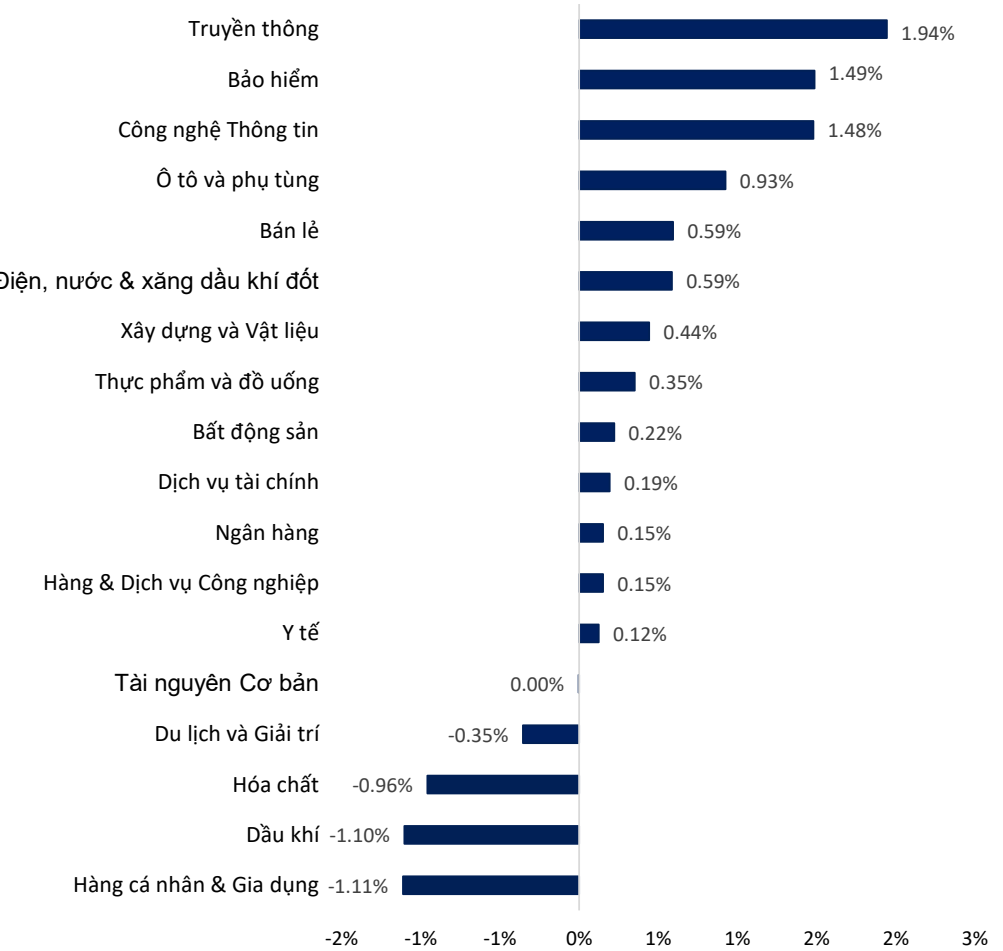
Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Vận động nhóm ngành trong phiên



Phân tích kỹ thuật

VPI_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: duy trì trên ngưỡng 50 và tiếp tục tăng.
- Đường MA: EMA12 duy trì ở trên EMA26.
- Elder's Force Index: cắt lên trên mức 0.

Nhận định: Cổ phiếu VPI đang trong xu hướng tích lũy ở khu vực 40 - 43 từ đầu năm đến nay nhưng đã xuất hiện nhiều tín hiệu tích cực. Thanh khoản cổ phiếu vẫn giữ giá trị tốt và ổn định, đồng thời, các chỉ báo kỹ thuật như EMA và RSI cũng ủng hộ đà tăng trong ngắn hạn. Hơn nữa, chỉ báo MACD phiên hôm nay đã tiếp tục xuất hiện Golden Cross, chỉ báo Force Index cũng cắt lên trên mức 0, càng làm củng cố thêm trạng thái tích cực cho cổ phiếu này. Dự kiến trong tương lai gần, VPI sẽ bứt phá thoát khỏi ngưỡng kháng cự 43 và tiềm năng sẽ chinh phục khu vực giá 50, trước khi tiến đến mức 60 trong trung hạn.



Phân Tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Kế hoạch 2019: DT 3,305 tỷ đồng (gấp 13 lần cùng kỳ) và LNST 510 tỷ đồng (+17.24% yoy) sẽ ghi nhận từ những dự án sau: Dự án The Terra – An Hưng gồm 166 căn thấp tầng (căn small có diện tích 65m2, căn shophouse diện tích 90m2) và 1,300 căn cao tầng. Tiến độ: dự kiến hoàn thành hạ tầng kỹ thuật trong quý I/2019, triển khai bán hàng quý II/2019 và hoàn thành khối thấp tầng Quý IV/2019. Năm 2019, DN dự kiến sẽ bàn giao và ghi nhận doanh thu khối thấp tầng, ước đạt 1,200 tỷ, LNTT 390 tỷ. Ngoài ra, 70 căn hộ dịch vụ khách sạn giữ lại cho thuê, sẽ là dòng tiền đều hàng năm. Dự án Grandeur Palace – Giảng Võ đã thi công xong phần thô thấp tầng khu I, II, dự kiến ghi nhận DT khối thấp tầng 1,010 tỷ đồng và LNST đóng góp khoảng 143 tỷ đồng. Dự án Terra – Hà Nam được thực hiện bởi công ty con CTCP đầu tư Văn Phú số 2 tại số 83/Hào Nam, đã bán 12 căn ngoài, còn 14 căn bên trong, đã ghi nhận 1 phần DT 2018, năm 2019 tiếp tục ghi nhận 525 tỷ đồng DT, đóng góp 93 tỷ đồng LNTT.

Tiến độ Dự án BT: - Quảng đường từ HN – Hà Đông đang giải phóng mặt bằng.- HCM – Gò Đa đã GPMB xong tổng giá trị giải ngân 834.17 tỷ đồng, giá trị sản lượng xây lắp, thiết bị thực hiện đạt 396 tỷ đồng.- 6 khu đất đối ứng thuộc dự án khác NN đầu tư đang tiến hành, VPI ứng vốn 1,200 tỷ cho NN.- BT quyết toán theo tiến độ, cho đến khi quyết toán sẽ không giải ngân thêm.

Kế hoạch vốn 2019: VPI sẽ phát hành trái phiếu khoảng hơn 700 tỷ để tài trợ cho dự án The Terra – An Hưng.

Cập nhật KQKD

Năm 2018, VPI ghi nhận tổng DT bán hàng đạt 258 tỷ (-67.6% yoy) và LNST đạt 435 tỷ (+3.8% yoy) chủ yếu ghi nhận từ dự án Hà Nam 259 tỷ.

Giá vốn được hoàn nhập chi phí trích trước hạng mục hạ tầng dự án Văn Phú khoảng 342 tỷ do chi phí quyết toán lại với nhà nước thấp hơn chi phí bỏ ra ban đầu. Vì vậy mặc dù DT giảm -67% so với cùng kỳ nhưng LNST vẫn tăng nhẹ +3.8%, và khoản mục hoàn nhập chi phí này sẽ không xuất hiện năm 2019.

DT tài chính tăng mạnh đạt 253 tỷ (+242% yoy) do DN bán các khoản đầu tư vào CTCP HNS Việt Nam và CTCP Đầu tư Văn Phú – Bắc Ái.

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 14/08/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 14/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.74	3.26%	5.72%	-5.90%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.92	4.03%	3.29%	-8.78%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.73	3.59%	2.19%	-10.67%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1501.92	-0.63%	1.96%	6.30%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.97	-0.50%	3.28%	10.47%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	873.39	1.13%	3.02%	-3.15%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	475.22	0.64%	-1.81%	-6.41%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.58	-0.17%	0.06%	1.44%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	188.10	-2.69%	-1.52%	-18.39%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	11.71	1.30%	-0.17%	-2.90%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.75	0.00%	-1.08%	30.95%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	95.80	2.19%	-1.29%	-11.95%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.62	1.80%	2.80%	-3.15%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	3784.00	0.13%	-4.20%	0.91%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1770.00	-0.06%	0.40%	-3.91%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	91.00	-3.19%	-13.33%	-24.79%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	72.10	0.35%	-1.50%	-3.65%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

*Nguồn: BSC tổng hợp***Thông tin nổi bật****Giá dầu**

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 13/08 ở mức 2.73 USD, tương đương 4.7%, lên mức 61.30 USD/thùng.
- Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 tăng 2.17 USD, tương đương 4%, đạt 57.10 USD.
- Giá dầu bật tăng mạnh nhất từ đầu năm đến nay sau khi Mỹ tuyên bố sẽ trì hoãn áp thuế 10% đối với một số sản phẩm của Trung Quốc, bao gồm cả máy tính xách tay và điện thoại di động, làm giảm bớt lo ngại về cuộc chiến thương mại toàn cầu đã đè nặng lên thị trường trong những tháng gần đây.
- Giá dầu cũng được hỗ trợ nhờ thông tin Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết các quan chức thương mại Mỹ- Trung đã có cuộc điện đàm và đồng ý nối lại các cuộc thương thuyết trong vòng hai tuần tới, và kỳ vọng tồn kho dầu thô của Mỹ giảm vào tuần trước và niềm tin Saudi Arabia gắn bó với việc cắt giảm sản lượng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.7% xuống còn 1,501.22 USD/ounce, sau khi đã đạt mức cao nhất kể từ tháng 4/2013 là 1,534.31 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 của Mỹ giảm 0.2% xuống còn 1,514.1 USD/ounce.
- Ngược lại với giá dầu, giá vàng quay đầu giảm 2% sau khi Mỹ tuyên bố sẽ trì hoãn thuế đối với một số sản phẩm của Trung Quốc và cả hai bên đồng ý tiếp tục đàm phán thương mại. Chứng khoán Mỹ chuyển biến tích cực và đồng bạc xanh tăng giá sau tin vui này.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt giao tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên chốt phiên cũng tăng 2.5 CNY(khoảng 36 UScent), đạt 627.5 CNY/tấn. Dự trữ quặng sắt tại Trung Quốc đứng ở mức 122.5 triệu tấn tính đến ngày 11/8, sau khi tăng gần một tháng qua.
- Giá thép thanh vân tại Thượng Hải, giao tháng 10/2019, tăng 2.14% đạt trên 3,677 CNY(520.43 USD)/tấn. Giá thép cán nóng dừng trong ô tô và đồ gia dụng tăng 0.9% lên 3,660 CNY/tấn. Giá thép kỳ hạn tại Trung Quốc tăng 2,9%, do một số nhà máy thép bắt đầu hạn chế sản xuất khi giá giảm gần đây và nhu cầu giảm.

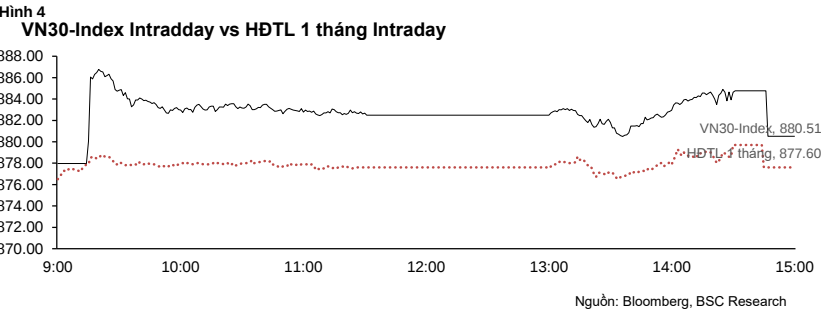
Giá nông sản

- Giá cà phê arabica giao tháng 9/2019 đã tăng 1.4 cent, tương đương 1.5% lên mức 95.15 cent/lb, sau khi giảm gần 4% xuống mức thấp nhất 11 tuần vào phiên liền trước. Giá cà phê Robusta cùng kỳ hạn đã tăng 17 USD, tương đương 1.3%, đạt 1,287 USD/tấn. Đồng nội tệ Brazil tăng giá đã hỗ trợ giá cà phê và đường tăng cao.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 13/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 0.5% còn 165.7 JPY(1.57 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 giảm 1.4% xuống còn 11,425 CNY(1,617.08 USD)/tấn. Giá cao su trên sàn giao dịch Tokyo và sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải giảm do lượng dự trữ dồi dào, nguồn cung lớn.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	877.60	0.63%	-2.91	-16.4%	38827	8/15/2019	3
VN30F1909	870.90	0.39%	-9.61	56.6%	22494	9/19/2019	38
VN30F1912	872.00	0.31%	-8.51	110.6%	99	12/19/2019	129
VN30F2003	871.50	0.20%	-9.01	-16.7%	40	3/19/2020	220

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 2.54 điểm lên mức 880.51 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, FPT, VNM, MWG, và VPB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 tiếp tục vận động quanh ngưỡng kháng cự 880 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy VN30 vẫn đang tích lũy và chưa xác nhận xu hướng rõ ràng.
- Các HĐTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1908 và VN30F2003 đang giảm, trong khi VN30F1909 và VN30F1912 đang tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1908, các hợp đồng khác đều đang tăng. Điều này cho thấy kỳ vọng tăng giá đang tăng trong trung hạn và giảm dần trong dài hạn. Với việc VN30F1908 đáo hạn vào ngày mai 15/8, sự quan tâm của nhà đầu tư được chuyển hướng sang VN30F1909. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 865 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn, và ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880-885 điểm cho các hợp đồng trung hạn và dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)
CMWG1902	VND	12/11/2019	119	4:1	1,500	-82.8%	2,400,000
CMWG1904	SSI	12/30/2019	138	1:1	24,110	-88.7%	1,000,000
CMBB1902	HSC	12/17/2019	125	1:1	32,520	-59.8%	1,000,000
CFPT1902	SSI	9/30/2019	47	1:1	118,260	83.4%	1,000,000
CMBB1901	SSI	9/28/2019	45	1:1	193,570	76.6%	3,000,000
CMWG1901	BSC	9/9/2019	26	4:1	35,460	-69.7%	1,000,000
CFPT1903	SSI	12/30/2019	138	1:1	40,270	-54.4%	2,000,000
CFPT1901	VND	9/11/2019	28	2:1	175,140	0.1%	2,000,000
CMWG1903	HSC	12/30/2019	138	5:1	428,870	47.7%	2,000,000
CHPG1905	SSI	12/30/2019	138	1:1	37,150	-38.4%	1,000,000
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	29	2:1	70,010	4.3%	1,500,000
CHPG1901	MBS	9/10/2019	27	2:1	73,980	34.1%	2,000,000
CHPG1904	SSI	9/30/2019	47	1:1	174,240	-4.6%	1,000,000
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	27	5:1	54,100	-55.5%	1,000,000
CVNM1901	KIS	12/13/2019	121	10:1	616,360	28.4%	5,000,000
CHPG1902	KIS	12/11/2019	119	5:1	174,020	-59.9%	3,000,000

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- Độ lệch chuẩn là 28.77%
- ** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi tất cả các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- CHPG1903 và CFPT1902 tăng giá nhiều nhất lần lượt là 14.29% và 8.50%. Thanh khoản thị trường giảm 11.72%, CVNM1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 27% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là MWG và FPT, các chứng quyền khác duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1901 và CMWG1902 là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Trong khi đó, CMWG1904 và CMWG1901 là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho thấy xu hướng hồi phục trong ngắn hạn của cổ phiếu cơ sở HPG. Tuy nhiên, HPG đang tiếp cận ngưỡng kháng cự 24. Trong khi đó, FPT đang vận động quanh ngưỡng trên của kênh xu hướng tăng, và có thể điều chỉnh kỹ thuật trong ngắn hạn. Chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là HPG và FPT có thể gặp áp lực giảm trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	20.85	0.97	0.63
FPT	53.20	1.33	0.53
VNM	118.70	0.59	0.49
MWG	118.90	0.93	0.44
VPB	19.25	0.79	0.36

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	131.6	-0.68	-0.34
PNJ	85.7	-1.49	-0.32
EIB	17.1	-0.58	-0.15
VRE	34.7	-0.57	-0.12
STB	10.2	-0.49	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
1,500	960	14.29%	482
6,000	10,850	8.50%	8,226
3,800	7,900	8.22%	7,495
1,200	1,190	8.18%	554
1,900	4,110	7.87%	4,182
3,200	3,410	6.90%	1,565
2,990	10,000	5.82%	7,578
1,200	730	5.80%	10
14,000	34,970	5.71%	30,549
2,700	6,160	5.66%	5,137
1,900	2,720	5.02%	1,850
3,300	3,820	4.37%	2,101
1,700	2,920	4.29%	1,471
1,000	530	1.92%	0
2,200	2,120	0.95%	1,259
2,000	7,950	0.63%	7,725

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	118,900
CHPG1901	47,999	22,900	23,450
CHPG1902	168,888	41,999	23,450
CHPG1903	22,100	23,200	23,450
CMBB1901	23,700	20,600	22,300
CMBB1902	26,300	21,800	22,300
CMWG1902	48,990	90,000	118,900
CPNJ1901	26,300	77,981	85,700
CVNM1901	47,200	158,888	118,700
CFPT1902	96,981	46,000	53,200
CFPT1903	57,000	46,000	53,200
CHPG1904	98,800	23,100	23,450
CHPG1905	93,300	23,100	23,450
CMWG1903	25,800	95,000	118,900
CMWG1904	165,000	90,000	118,900
CFPT1901	27,000	45,000	53,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	118.9	0.9%	0.7	2,288	3.8	7,893	15.1	5.1	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	85.7	-1.5%	1.0	830	2.8	4,727	18.1	4.7	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	78.5	1.6%	1.3	2,392	0.3	1,503	52.2	3.6	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	39.4	3.7%	0.7	396	1.9	3,061	12.9	1.4	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	118.6	0.4%	1.1	17,253	1.6	1,673	70.9	4.8	15.0%	8.2%
VRE	Bất động sản	34.7	-0.6%	1.1	3,513	2.0	1,033	33.6	2.8	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	60.2	0.8%	0.8	2,435	1.4	3,579	16.8	2.8	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	35.9	-0.3%	1.0	484	1.1	5,261	6.8	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	13.8	2.2%	1.4	312	0.6	2,944	4.7	1.1	48.4%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.8	-0.2%	1.3	483	1.3	1,997	10.9	1.2	58.4%	10.9%
VCI	Chứng khoán	33.5	-0.3%	1.0	237	0.1	5,067	6.6	1.5	37.4%	24.7%
HCM	Chứng khoán	19.8	1.0%	1.4	263	0.5	1,434	13.8	1.4	56.4%	11.1%
FPT	Công nghệ	53.2	1.3%	0.8	1,569	5.1	4,349	12.2	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	43.0	2.4%	0.4	465	0.0	3,778	11.4	2.9	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.9	0.9%	1.5	8,396	0.7	6,019	16.8	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	62.4	-1.3%	1.5	3,176	0.7	3,271	19.1	3.7	13.1%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.4	-0.5%	1.7	424	2.0	2,351	8.7	0.8	24.1%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.8	-1.0%	0.8	1,321	0.6	1,163	8.4	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.2	0.2%	0.5	535	0.1	4,602	20.5	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.9	-1.1%	0.7	236	0.3	838	16.5	0.7	19.9%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.1	0.0%	0.7	186	0.0	894	9.0	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	76.3	0.0%	1.3	12,304	1.2	4,730	16.1	3.7	23.9%	25.4%
BID	Ngân hàng	35.1	0.6%	1.5	5,217	0.8	2,107	16.7	2.2	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.5	-0.5%	1.6	3,319	2.4	1,470	13.9	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.3	0.8%	1.2	2,056	0.9	2,965	6.5	1.2	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.3	0.5%	1.1	2,049	3.0	3,215	6.9	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	21.7	-0.9%	1.1	1,530	0.9	3,438	6.3	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	50.4	-0.2%	0.9	179	0.2	5,040	10.0	1.7	76.8%	17.2%
NTP	Nhựa	39.2	0.5%	0.4	152	0.0	4,490	8.7	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.6	0.0%	1.2	649	0.0	732	22.7	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.5	0.0%	1.0	2,815	4.0	2,898	8.1	1.5	38.3%	19.9%
HSG	Thép	6.8	0.0%	1.5	124	0.4	425	15.9	0.5	17.5%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	118.7	0.6%	0.8	8,987	3.5	5,465	21.7	7.3	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	277.0	0.0%	0.8	7,723	0.3	6,735	41.1	10.1	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	75.6	0.0%	1.2	3,842	1.4	3,304	22.9	2.8	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	15.8	-1.3%	0.5	361	0.9	542	29.2	1.4	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	82.0	-0.6%	0.8	7,762	0.3	2,630	31.2	5.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	131.6	-0.7%	1.1	3,099	5.8	9,850	13.4	5.1	19.6%	43.3%
HVN	Vận tải	39.2	0.0%	1.7	2,417	0.4	1,747	22.4	3.1	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	27.0	-0.7%	0.8	349	0.5	1,888	14.3	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.4	-0.3%	0.6	212	0.5	2,505	6.9	1.2	30.5%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	89.1	3.7%	0.9	607	2.7	7,458	11.9	4.5	2.7%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.8	-1.1%	0.9	366	0.3	1,333	14.1	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	0.7%	0.8	250	0.0	1,657	9.1	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	102.0	2.8%	0.7	339	0.2	13,465	7.6	1.0	49.0%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.2	1,307	20.2	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.1	-0.5%	0.5	227	0.6	485	43.4	1.0	52.4%	2.4%
POW	Điện	12.9	0.0%	0.6	1,313	0.7	820	15.7	1.2	14.9%	7.8%
NT2	Điện	24.8	-0.4%	0.6	310	0.1	2,241	11.1	1.8	22.2%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	100.90	0.90	0.51	163970.00
VIC	118.60	0.42	0.49	302420.00
VNM	118.70	0.59	0.36	677360.00
BVH	78.50	1.55	0.25	88740.00
TCB	20.85	0.97	0.21	1.25MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	89.10	3.73	0.11	712400.00
PVI	39.40	3.68	0.05	1.11MLN
TNG	18.20	4.00	0.03	1.49MLN
CTX	43.80	8.42	0.02	8800.00
PVX	1.50	7.14	0.02	2.12MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLX	62.40	-1.27	-0.31	267530.00
VJC	131.60	-0.68	-0.14	1.00MLN
VRE	34.70	-0.57	-0.14	1.31MLN
CTG	20.50	-0.49	-0.11	2.71MLN
PNJ	85.70	-1.49	-0.09	758650.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.70	-0.91	-0.34	906100.00
DGC	28.10	-5.07	-0.12	683200.00
PVS	20.40	-0.49	-0.03	2.27MLN
IVS	9.90	-10.00	-0.02	53500.00
AMV	18.00	-2.70	-0.02	49700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMG	39.05	6.99	0.05	124560.00
HTL	19.15	6.98	0.00	4850.00
QCG	4.75	6.98	0.03	449810.00
PIT	5.21	6.98	0.00	2080.00
VIS	20.75	6.96	0.03	14320.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TBX	9.90	109900.0	0.01	100.00
SPI	0.90	12.5	0.00	46700.00
CMC	5.50	10.0	0.00	100.00
LM7	9.90	10.0	0.00	100.00
MBG	9.90	10.0	0.02	8200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SII	18.70	-6.97	-0.03	20.00
GAB	14.10	-6.93	0.00	746820.00
SSC	79.50	-6.91	-0.03	70.00
CDC	15.65	-6.85	-0.01	10.00
HRC	45.50	-6.76	-0.03	2770.00

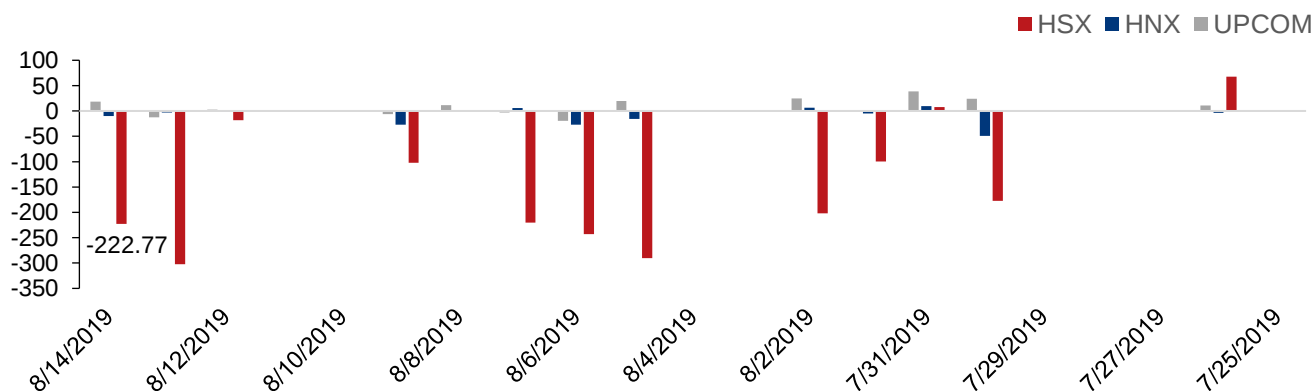
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTM	7.50	-12.79	-0.01	200.00
IVS	9.90	-10.00	-0.02	53500.00
PVL	1.80	-10.00	-0.01	143800.00
TMX	13.50	-10.00	0.00	500.00
SGH	53.60	-9.92	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phen hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phen hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phen hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	54.0	5,276	10.2	2.9	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.1	4,234	6.6	1.0	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	21.7	3,438	6.3	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	16.9	3,181	5.3	1.4	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.8	425	15.9	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		49.5	4,314	11.5	3.4	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	75.6	3,304	22.9	2.8	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.0	7,716	20.3	10.5	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	27.0	1,888	14.3	1.3	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	118.9	7,893	15.1	5.1	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	31.6	3,751	8.4	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.8	1,433	5.4	0.5	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	83.5	18,452	4.5	1.7	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	21.0	1,294	16.2	1.6	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.2	3,481	5.2	1.2	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	18.1	2,655	6.8	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	53.2	4,349	12.2	2.7	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	23.6	3,149	7.5	1.2	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	35.7	8,518	4.2	2.1	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	23.0	2,589	8.9	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 59500 ; Giá tại Publish 50000 Năm 2019, BSC dự báo DTT và LNTT của FPT lần lượt đạt 26,808 tỷ (+15.5% YoY) và 4,609 tỷ (+19% YoY). EPS FW 2019 sẽ đạt 4,643 VND/cp (+19% YoY) (đã trích quỹ khen thưởng và phúc lợi). Catalyst bao gồm: tăng trưởng từ làn sóng Chuyển đổi số và tăng chuỗi giá trị dịch vụ từ các thương vụ Mua bán và Sắt nhập.
Express KBC 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 18150 ; Giá tại Publish 15400 Nửa cuối năm 2019 mảng KCN vẫn sẽ tiếp tục có khả năng tăng trưởng tốt nhờ vào 2 khu công nghiệp Quang Châu và Tân Phú Trung. KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh có vị trí địa lý hấp dẫn thu hút khách thuê. Chúng tôi cho rằng ngay khi KCN này hoàn thành thủ tục pháp lý sẽ là nguồn cung mới thu hút cho KBC năm 2020.
Express NDN 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A; Giá tại Publish 18300 Khả năng tăng trưởng lợi nhuận đột biến nhờ dự án Mornachy Block B. Trên BCTC bán niên 2019, khoản trả trước của người mua dự án này là 1,357.18 tỷ đồng. Tài chính lành mạnh, tỷ lệ sử dụng nợ vay thấp (24.2 tỷ, tương đương 1.2% tổng tài sản) nhờ chiếm dụng vốn từ các dự án bất động sản.
Express DIG 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 16000 ; Giá tại Publish 13050 Kết quả kinh doanh được kỳ vọng tăng tốc từ cuối năm 2019. BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2019 của DIG lần lượt đạt 2,880 tỷ đồng (+17% yoy) và 553 tỷ đồng (+29.2% yoy) dựa trên giả định hạch toán (1) 20% phần còn lại dự án DIC-Phoenix (DT ước đạt 343 tỷ đồng), (2) Giả định hạch toán được 20% dự án GateWay (DT ước đạt 575 tỷ đồng) và (3) Dự án Nam Vĩnh Yên GD1 đóng góp khoảng 800 tỷ doanh thu.
Express PNJ 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 93400 ; Giá tại Publish 76300 BSC dự báo KQKD 2019 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 16,180 tỷ đồng (+10.2% yoy) và 1,193 tỷ đồng (+24% yoy), EPS cốt lõi FW 2019 = 5,089 đồng/cp, PE FW 2019 = 15.1 lần dựa trên các giả định (1) Biên lợi nhuận gộp năm 2019 ước đạt 21.6%, (2) SSSG cửa chuỗi vàng trang sức năm 2019 và 2020 lần lượt là 5% và 12% và (3) Số lượng cửa hàng mở mới dự kiến trong năm 2019 là 40 cửa hàng.



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Xây dựng & Vật liệu XD	1.1%	2.0%	-2.7%	-4.3%	-1.8%	-4.2%	4.4%	153.3%
Xây dựng	0.6%	2.0%	-5.4%	-6.7%	-8.8%	-12.1%	31.5%	80.5%
Hàng tiêu dùng	0.4%	1.5%	4.8%	5.4%	8.4%	12.1%	71.3%	194.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	3.4%	0.6%	2.4%	1.3%	0.7%	71.2%	104.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.7%	0.0%	-4.5%	-1.7%	4.8%	19.4%	55.8%	152.4%
Dầu khí	-1.2%	1.2%	-5.0%	-6.2%	5.0%	-0.6%	12.0%	-17.9%
* Note	Danh mục Xây dựng & VLXD hôm nay có hiệu suất ấn tượng +1.1% so với mức tăng nhẹ 0.2% của VN-Index. Ngược lại, danh mục Dầu khí giảm mạnh -1.2% trước biến động khó lường của giá dầu.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 15	0.39%	3.84%	3.42%	3.48%	2.23%	3.50%	69.02%	142.43%
Danh mục 9	0.39%	3.49%	2.07%	2.40%	5.86%	10.30%	56.17%	120.67%
Danh mục 1	0.36%	4.22%	3.93%	4.35%	3.70%	4.52%	71.56%	120.08%
Danh mục 17	-0.38%	0.24%	2.28%	0.58%	3.85%	19.17%	142.82%	254.54%
Danh mục 8	-0.40%	1.91%	3.47%	6.00%	13.20%	11.49%	64.34%	116.05%
* Note	3/5 danh mục Mục tiêu đều có hiệu suất ngày tăng - khả quan							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 22	0.84%	4.07%	4.49%	7.12%	9.95%	2.41%	64.12%	152.85%
Danh mục 24	0.66%	2.16%	0.53%	5.47%	9.59%	4.78%	64.43%	163.98%
Danh mục 25	0.11%	0.85%	4.89%	8.14%	17.95%	38.00%	189.63%	222.24%
Danh mục 23	-0.40%	1.90%	3.01%	0.47%	1.92%	11.00%	124.82%	209.58%
Danh mục 20	-0.56%	0.84%	-2.29%	-0.39%	-1.38%	6.70%	16.70%	157.81%
* Note	3/5 danh mục Rủi ro đều có hiệu suất ngày tăng - khả quan							
INDEX								
VNINDEX	0.2%	0.3%	-0.4%	-0.7%	1.9%	-1.0%	47.8%	60.4%
VN30INDEX	0.3%	1.4%	0.8%	-1.3%	-1.9%	-8.8%	37.3%	36.5%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

